

Số: 27 /2020/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 18 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định về quản lý đầu tư, xây dựng
bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam”**


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;
Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của
Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;
Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 09 năm 2015 của
Chính phủ về Giám sát đánh giá đầu tư; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01
tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về Giám sát
đánh giá đầu tư;
Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu
tư một số dự án đầu tư công do tỉnh quản lý;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
2294/TTr-SKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý đầu tư xây
dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm
2021 và thay thế Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 07 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành “Quy định về quản lý đầu tư xây
dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh; Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các CV;
- Lưu VT, XD_(HA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chức

QUY ĐỊNH

Về quản lý đầu tư, xây dựng bằng
nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2020/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý đầu tư, xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Bao gồm phân cấp quản lý nhà nước dự án đầu tư công và trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công; chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư; dự toán; đấu thầu; quyết toán vốn đầu tư; giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công.

Các nội dung khác về quản lý đầu tư và xây dựng không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng bằng vốn đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 3. Quản lý nhà nước về đầu tư công

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam và thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư công.

Điều 4. Phân cấp quản lý nhà nước về dự án đầu tư công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý các dự án đầu tư công do các Sở, ban, ngành của tỉnh quản lý, sử dụng; dự án liên quan đến quy hoạch vùng; dự án sử dụng liên huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; dự án có ý nghĩa chiến lược và trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; dự án an ninh quốc phòng; dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trực tiếp quản lý các dự án đầu tư công do các phòng, ban, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý sử dụng; dự án liên xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trực tiếp quản lý các dự án trong phạm vi xã, phường, thị trấn, do cấp xã quản lý, sử dụng.

Điều 5. Phân cấp quản lý nhà nước vốn đầu tư công và trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương (vốn ngân sách tập trung và vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất phân cấp theo nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương); vốn đầu tư do Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý dành để đầu tư theo quy định của pháp luật; vốn đầu tư từ nguồn vượt thu thực tế của ngân sách tỉnh dành cho đầu tư. Có trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công do tỉnh quản lý cho các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý vốn đầu tư trong cân đối ngân sách (bao gồm vốn ngân sách tập trung, vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất phân cấp theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh); vốn đầu tư do ngân sách tỉnh hỗ trợ; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý dành để đầu tư theo quy định của pháp luật; vốn đầu tư từ nguồn vượt thu thực tế của ngân sách cấp huyện dành cho đầu tư. Có trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý cho các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân cùng cấp và khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất được phân cấp theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện hỗ trợ; vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập do cấp xã quản lý dành để đầu tư theo quy định của pháp luật; vốn đầu tư từ nguồn vượt thu thực tế của ngân sách cấp xã dành cho đầu tư. Có trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công do cấp xã quản lý cho các dự án thuộc phạm vi quản lý của xã.

Chương III
QUY ĐỊNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ,
ĐẦU THẦU, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ VÀ GIÁM SÁT,
ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Mục 1: Chủ trương đầu tư

Điều 6. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do địa phương quản lý (trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công).

2. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý (trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công; đối với Hội đồng nhân dân tỉnh trừ dự án theo khoản 3 Điều này).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C do tỉnh quản lý, chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định của Luật Xây dựng.

4. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA (vay và viện trợ không hoàn lại) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: thực hiện theo điểm b, c, d khoản 4 Điều 17 của Luật Đầu tư công.

5. Đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý dành để đầu tư: thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công).

6. Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm:

- a) Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;
- b) Nhiệm vụ quy hoạch;
- c) Dự án đầu tư công khẩn cấp;
- d) Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia;
- e) Dự án thành phần thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 7. Trình tự thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

1. Trình tự, thủ tục (*thuộc trách nhiệm của tỉnh*) quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ: thực hiện theo Điều 23 Luật Đầu tư công

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

- Thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các Sở, ban, ngành liên quan là thành viên để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Chỉ đạo cơ quan được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Thực hiện theo Điều 25 Luật Đầu tư công.

4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý.

a) Đối với chương trình, dự án do tỉnh quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

- Đối với dự án nhóm B, thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng và các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan là thành viên để thẩm định; đối với dự án nhóm C, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các cơ quan liên quan để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Chỉ đạo cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định;

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối với chương trình, dự án do cấp huyện quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Giao cơ quan chuyên môn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

- Thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, Phòng Tài chính - Kế hoạch là Thường trực Hội đồng và các phòng, ban, địa phương liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

Trường hợp chương trình, dự án đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công do tỉnh quản lý trong phạm vi tổng nguồn vốn đầu tư công và số vượt thu thực tế của ngân sách tỉnh (*nếu có*) đối với phần vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình, dự án.

- Chỉ đạo cơ quan được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định;

Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

c) Đối với chương trình, dự án do cấp xã quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Giao cho công chức chuyên môn tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

- Thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng, các công chức chuyên môn liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

Trường hợp dự án đề nghị ngân sách cấp huyện, ngân sách tỉnh hỗ trợ, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (*đối với ngân sách cấp huyện*) và Sở Kế hoạch và Đầu tư (*đối với ngân sách tỉnh*) thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ dự án.

- Chỉ đạo công chức chuyên môn được giao tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định;

Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp xã.

d) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 8. Nội dung quyết định chủ trương đầu tư bao gồm:

Mục tiêu, phạm vi, quy mô, Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, dự kiến kế hoạch bố trí vốn, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện, chủ đầu tư.

Điều 9. Điều chỉnh chủ trương đầu tư

1. Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó.

2. Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa quyết định đầu tư, nếu có thay đổi nội dung quyết định chủ trương đầu tư, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo Điều 34 của Luật Đầu tư công.

3. Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, nếu điều chỉnh dự án làm tăng Tổng mức đầu tư, hoặc điều chỉnh mục tiêu, phạm vi, quy mô dự án thì phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

Mục 2: Quyết định đầu tư chương trình dự án đầu tư công

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định đầu tư:

a) Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

b) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do tỉnh quản lý (*trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tôn giáo và các chương trình, dự án khác theo quy định của Chính phủ*) và các dự án đầu tư do cấp huyện, cấp xã quản lý (*trừ các dự án đầu tư chỉ lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật có Tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng*).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư:

a) Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư.

b) Các Báo cáo Kinh tế kỹ thuật do cấp huyện quản lý; các Báo cáo Kinh tế kỹ thuật do cấp xã quản lý có Tổng mức đầu tư từ 5 (năm) tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng (bao gồm Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư bằng nguồn vốn do cấp huyện, cấp xã quản lý, vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư các Báo cáo Kinh tế kỹ thuật do cấp xã quản lý có tổng mức đầu tư dưới 5 (năm) tỷ đồng (bao gồm Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư bằng nguồn vốn do cấp xã quản lý, vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, huyện; vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia).

4. Trước khi quyết định đầu tư, các Sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải kiểm soát chặt chẽ phạm vi, mục tiêu, quy mô của từng dự án theo đúng quy hoạch, chủ trương đầu tư. Chỉ quyết định đầu tư khi xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách cho dự án.

5. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: thực hiện theo khoản 2 Điều 13 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 11. Thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với dự án nhóm A: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng và các sở, ban, ngành liên quan là thành viên để thẩm định dự án;

b) Đối với dự án nhóm B, C: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự án.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, quyết định đầu tư.

2. Đối với Báo cáo Kinh tế kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thông báo kết

quả thẩm định để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, quyết định đầu tư theo thẩm quyền.

3. Nội dung thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng:

- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;
- Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thẩm định các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đầu tư công;

- Sự phù hợp giữa tổng mức đầu tư của dự án gắn với cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án; đánh giá các chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong quá trình khai thác dự án;

- Tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; tạo thêm nguồn thu ngân sách, việc làm, thu nhập và đời sống người dân; các tác động đến môi trường và phát triển bền vững.

Điều 12. Thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với dự án nhóm A, B, C (*trừ dự án chỉ lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật*)

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định dự án, có trách nhiệm lấy ý kiến tham gia thẩm định dự án của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện thẩm định các nội dung quy định tại mục 1 khoản 14 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 mục 15 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung năm 2020, trừ dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định.

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tùy theo chức năng nhiệm vụ có ý kiến thẩm định, thẩm duyệt dự án gửi cho cơ quan chủ trì thẩm định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, thẩm duyệt, ý kiến tham gia dự án của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập Báo cáo kết quả thẩm định dự án, trình Chủ tịch ủy ban nhân tỉnh phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

Chủ đầu tư dự án được trình hồ sơ đồng thời đến cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan chủ trì thẩm định dự án.

Báo cáo kết quả thẩm định dự án bao gồm các nội dung:

- Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng;
- Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;
- Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án;
- Yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội;
- Sự phù hợp của phương án công nghệ (nếu có);
- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

b) Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định (trong đó, cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình) lấy ý kiến tham gia thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo chức năng nhiệm vụ; thực hiện thẩm định các nội dung quy định tại mục 3 khoản 14 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các ý kiến thẩm định, ý kiến tham gia, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thực hiện thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định.

Các cơ quan liên quan, tùy theo chức năng nhiệm vụ có ý kiến thẩm định, thẩm duyệt dự án gửi cho cơ quan chủ trì thẩm định.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là cơ quan chủ trì thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định, ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan; lập Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trình Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, quyết định đầu tư; hoặc gửi kết quả thẩm định để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt (đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có tổng mức đầu tư dưới 100 triệu đồng thuộc cấp xã quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tự tổ chức thẩm định và quyết định đầu tư.

4. Nội dung báo cáo thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

- Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng;
- Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận;
- Việc lập Tổng mức đầu tư xây dựng, xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng;
- Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án;
- Sự phù hợp của phương án công nghệ (nếu có);
- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết làm cơ sở cho việc thẩm định.

Mục 3. Quản lý tổ chức thực hiện dự án đầu tư công

Điều 13. Quản lý tổ chức thực hiện dự án đầu tư công

1. Đối với dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng: thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng

a) Hình thức quản lý tổ chức thực hiện dự án, thiết kế dự án, nội dung và xác định tổng mức đầu tư, nội dung và xác định dự toán dự án thực hiện theo các Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

b) Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án

Đối với dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước.

Đối với Báo cáo Kinh tế kỹ thuật do cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì phối hợp với phòng quản lý chuyên ngành thẩm định thiết kế, dự toán trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

huyện quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán hoặc thông báo kết quả thẩm định để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt thiết kế, dự toán.

Mục 4. Đấu thầu trong hoạt động đầu tư, xây dựng; Quyết toán vốn đầu tư; Giám sát, đánh giá đầu tư

Điều 14. Đấu thầu trong hoạt động đầu tư, xây dựng:

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án và Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư, giải quyết kiến nghị trong đấu thầu; hủy, đình chỉ hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án và Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu của dự án và báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ đầu tư.

Sở Y tế chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền quyết định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;

Công chức chuyên môn tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Báo cáo Kinh tế kỹ thuật có Tổng mức đầu tư dưới 100 triệu đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án; phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với tất cả các gói thầu thuộc dự án, Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định và thực hiện các nội dung đấu thầu theo đúng quy định.

Điều 15. Quyết toán vốn đầu tư:

1. Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra (*trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định khác*).

3. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc ngân sách cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm tra (*trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyết định khác*).

4. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc ngân sách cấp xã quản lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp công chức chuyên môn không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 16. Giám sát, đánh giá đầu tư:

Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế xã hội được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Giám sát và đánh giá đầu tư; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về Giám sát đánh giá đầu tư, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

Đối với chương trình, dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thì việc điều chỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định này.

Đối với chương trình, dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 mà chưa có trong kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện:

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, đơn vị và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và giải quyết.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Chức